TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số 149/2023/DS-PT
Ngày 20/6/2023
V/v "Tranh chấp thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tào**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Cường**

Bà **Trần Thị Kim Liên**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Phạm Văn Phong** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/TLPT-DS ngày 10 tháng 02 năm 2023 về *"Tranh chấp thừa kế tài sản"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 41/2022/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2302/2023/QĐPT-DS ngày 01 tháng 6 năm 2023; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan V, sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn T, xã T1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Phan L, sinh năm 1943; Địa chỉ: Thôn T, xã T1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn:

+ Ông Trương Quang T2 - Luật sư của Văn phòng Luật sư Q1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

+ Ông Đoàn Nhật N - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Đặng Thị P, sinh năm 1944. Vắng.

2. Bà Phan Thị C, sinh năm 1969. Có mặt.

3. Bà Phan Thị T3, sinh năm 1971. Vắng.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Phan Thị T3: Ông Phan V. Có mặt.

4. Bà Phan Thị Kim T4, sinh năm 1980. Có mặt.

5. Bà Phan Thị L1, sinh năm 1946. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

6. Bà Phan Thị V, sinh năm 1957. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

7. Bà Võ Thị T5, sinh năm 1951. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

8. Ông Phan Thế V1, sinh năm 1987. Có mặt.

9. Bà Nguyễn Thị D. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

10. Cháu Phan Nguyễn Huyền T6, sinh năm 2014. Vắng.

11. Cháu Phan Nguyễn Huyền M, sinh năm 2016. Vắng.

Cùng địa chỉ: thôn T, xã T1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại điện hợp pháp của cháu Phan Nguyễn Huyền T6 và cháu Phan Nguyễn Huyền M: Ông Phan Thế V1 và bà Nguyễn Thị D. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

12. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: số 163 đường H3, phường T7, thành phố Q;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đức Tr, chức vụ: Giám đốc. Vắng.

Người có kháng cáo: Nguyên đơn là ông Phan V, bị đơn là ông Phan L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị P, bà Phan Thị C, bà Phan Thị Kim T4, bà Phan Thị L1, bà Phan Thị V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Phan V trình bày:*

Ông bà nội ông là cụ Phan V3 (chết năm 1987) và cụ Nguyễn Thị C1 (chết năm 1957). Cụ V3, cụ C1 có 04 người con gồm các ông bà: Phan H2 (chết năm 1992), Phan Thị L1, Phan L, Phan Thị V. Ông Phan H2 có vợ là Đặng Thị P, các con là Phan V, Phan Thị T3, Phan Thị C, Phan Thị Kim T4. Cụ V3, cụ C1 chết không để lại di chúc, không có nghĩa vụ tài sản.

Cụ V3, cụ C1 để lại di sản thừa kế là thửa đất số 384, tờ bản đồ số 3, đo vẽ năm 1996 (nay biến động thành các thửa 477, 478, cùng tờ bản đồ số 20, đo vẽ năm

2016), xã T1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (sau đây viết là thửa 384, 477, 478) đều được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho ông Phan L.

Thửa 384 do cụ V3, cụ C1 mua vào năm 1937 để làm nhà ở, cha ông là Phan H2, các ông, bà Phan L, Phan Thị L1, Phan Thị V đều được sinh ra và lớn lên tại đây. Đến năm 1978 do quá trình sinh sống cùng con dâu có nhiều mâu thuẫn nên ông H2 đưa cụ V3 ra ở riêng chỗ khác (tại thửa đất 477, tờ bản đồ số 3, đo vẽ năm 1996, xã T1), còn gia đình ông L vẫn tạm ở trên thửa 384. Sau khi cụ V3 chết, thửa 384 do ông L cùng gia đình quản lý, làm lại nhà ở cho đến nay. Năm 1997, ông L tự ý đăng ký cấp GCNQSDĐ, đến năm 2017 ông L khởi kiện chia thừa kế đối với thửa đất số 477, tờ bản đồ số 3, đo vẽ năm 1996, xã T1 tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thì ông mới biết thửa 384 đã được cấp GCNQSDĐ cho ông L.

Ông yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:

+ Hủy các GCNQSDĐ đã cấp đối với thửa 477, 478 cùng tờ bản đồ số 20, đo vẽ năm 2016, xã T1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp cho ông Phan L ngày 06-6-2017.

+ Chia di sản thừa kế của cụ V3, cụ C1 theo pháp luật đối với thửa 477, 478 theo diện tích đo đạc thực tế làm 4 kỷ phần, mỗi người được hưởng một kỷ phần bằng nhau. Ông H2 đã chết nên vợ con ông H2 được nhận phần di sản của ông H2; yêu cầu được nhận di sản bằng quyền sử dụng đất.

Bị đơn ông Phan L trình bày:

Cha mẹ là cụ Phan V3 (chết năm 1987) và cụ Nguyễn Thị C1 (chết năm 1957). Cụ V3, cụ C1 có 04 người con gồm các ông bà: Phan H2 (chết năm 1992), Phan Thị L1, Phan L, Phan Thị V. Ông Phan H2 có vợ con là: Đặng Thị P, Phan V, Phan Thị T3, Phan Thị C, Phan Thị Kim T4, như nguyên đơn trình bày là đúng.

Đối với thửa 384 (nay biến động thành thửa 477, 478) có nguồn gốc của cha mẹ tạo lập. Tuy nhiên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì năm 1975 cụ V3 đã họp gia đình cho ông thửa 384. Ông đã đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/TTg, năm 1997 ông được cấp GCNQSDĐ. Năm 1978, ông phá dỡ nhà tre, vách đất để xây lại nhà gạch, mái ngói và sinh sống ổn định trên đất từ đó đến nay, không ai tranh chấp nên thửa 384 không còn là di sản thừa kế của cụ V3, cụ C1.

Các bà Phan Thị L1, Phan Thị V, anh Phan Thế V1 trình bày: Đồng ý với phần trình bày của ông L về quan hệ huyết thống và tài sản do cụ V3, cụ C1 để lại. Cụ V3, cụ C1 chết không để lại di chúc, không có nghĩa vụ về tài sản.

Năm 1975 cụ V3 đã họp gia đình, cho ông L thửa 384, cho ông H2 thửa 245, còn cụ V3 ra ở riêng tại thửa 477, tờ bản đồ số 3, đo vẽ năm 1996. Thửa 384 cụ V3 đã cho ông L, ông L làm nhà ở, sinh sống ổn định trên đất từ năm 1978 và đã được

cấp GCNQSDĐ, từ đó đến nay không có ai tranh chấp, do đó không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn.

Bà Đặng Thị P, Phan Thị T3, Phan Thị C, Phan Thị Kim T4 trình bày:

Đồng ý với phần trình bày của ông V về quan hệ huyết thống và tài sản do ông bà nội để lại. Cụ V3, cụ C1 chết không để lại di chúc, không có nghĩa vụ về tài sản. Vì vậy, đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi: Không có trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy GCNQSDĐ đã cấp cho bị đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2022/DS-ST ngày 18/11/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ Điều 15 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959; các Điều 92, 144, 147, 157, 158, 165, 166, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 634, 635, 637, 638, 677, 678, 679, 738 của Bộ luật Dân sự năm 1995; các Điều 357, 468, 623, 649, 650, 651, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 3 của Luật Đất đai năm 1993; các Điều 12, 15, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan V về "Tranh chấp thừa kế tài sản".

2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị C1 gồm: Cụ Phan V3 và các ông, bà Phan H2, Phan L, Phan Thị L1, Phan Thị V; xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phan V3 gồm: các ông, bà Phan H2, Phan L, Phan Thị L1, Phan Thị V. Ông Phan H2 chết năm 1992 nên các ông, bà Đặng Thị P, Phan V, Phan Thị T3, Phan Thị C, Phan Thị Kim T4 được nhận phần di sản của ông Phan H2.

3. Xác định ½ diện tích thửa 477 và thửa 478, cùng tờ bản đồ số 20, đo vẽ năm 2016 tại xã T1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi là di sản của cụ Nguyễn Thị C1, trị giá 920.750.000 đồng (chín trăm hai mươi triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Xác định 1/5 của ½ diện tích thửa 477 và thửa 478, cùng tờ bản đồ số 20, đo vẽ năm 2016 tại xã T1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi là di sản của cụ Phan V3, trị giá 184.150.000 đồng (một trăm tám mươi bốn triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Chia ông Phan H2, ông Phan L, bà Phan Thị L1, bà Phan Thị V mỗi người được hưởng phần di sản trị giá 230.187.500 đồng (hai trăm ba mươi triệu, một trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng). Các ông, bà Đặng Thị P, Phan V, Phan Thị T3, Phan Thị C, Phan Thị Kim T4 được nhận kỷ phần của ông H2.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phan Thị L1, bà Phan Thị V về việc cho ông Phan L được sở hữu phần di sản mà bà L1, bà V được hưởng.

6. Giao ông Phan L được quyền sử dụng thửa đất số 477, diện tích 227,3m^2, loại đất ONT, có các cạnh như sau: cạnh phía bắc 7.52m, cạnh phía nam lần lượt là 3.36m, 5.56m, cạnh phía đông 25.98m, cạnh phía tây lần lượt là 2.94m, 7.65m, 8.42m, 3.45m, 2.30m, 1.87m, có giới cận phía bắc giáp thửa 30, phía nam giáp đường đi, phía đông giáp thửa 478, phía tây giáp đường đi và thửa đất số 478, diện tích 141,0m^2, loại đất ONT, có các cạnh như sau: cạnh phía bắc 5m, cạnh phía nam lần lượt là 4.71m, 1.29m, cạnh phía đông lần lượt là 12.49m, 6.23m, 6.75m, cạnh phía tây là 25.98m, có giới cận phía bắc giáp thửa 30, phía nam giáp đường đi, phía đông giáp thửa 45, phía tây giáp thửa 477.

(Các thửa đất 477, 478 đều cùng tờ bản đồ số 20, đo vẽ năm 2016, xã T1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi).

7. Ông Phan L có nghĩa vụ thanh toán cho các ông, bà Đặng Thị P, Phan V, Phan Thị T3, Phan Thị C, Phan Thị Kim T4 230.187.500 đồng (hai trăm ba mươi triệu, một trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng).

8. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan V về việc hủy GCNQSDĐ số CG895291, số vào sổ cấp GCN CS 03782 đối với thửa 477 và GCNQSDĐ số CG895292, số vào sổ cấp GCN CS 03781 đối với thửa 478, cùng tờ bản đồ số 20, đo vẽ năm 2016, xã T1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp cho ông Phan L ngày 06-6-2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, về quyền và nghĩa vụ thi hành án và thông báo về quyền kháng cáo.

Ngày 28/11/2022, bị đơn là ông Phan L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị L1, bà Phan Thị V kháng cáo yêu cầu tòa án phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 02/12/2022, nguyên đơn là ông Phan V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị P, Phan Thị C và Phan Thị Kim T4 kháng cáo yêu cầu tòa án phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chia di sản thừa kế bằng hiện vật và tuyên hủy GCNQSDĐ số CG895291, số vào sổ cấp GCN CS 03782 đối với thửa 477 và GCNQSDĐ số CG895292, số vào sổ cấp GCN CS 03781 đối với thửa 478, cùng tờ bản đồ số 20, đo vẽ năm 2016, xã T1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp cho ông Phan L ngày 06-6-2017.

Tại phiên tòa Đại diên Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phan V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị P, Phan Thị C và Phan Thị Kim T4; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Phan L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị L1, bà Phan Thị V, sửa án sơ thẩm, trích một phần di sản thừa kế về công sức bảo quản di sản cho ông Phan L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận; Xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn ông Phan L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị L1, bà Phan Thị V và kháng cáo của nguyên đơn ông Phan V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị P, Phan Thị C và Phan Thị Kim T4; nhận thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị L1, bà Phan Thị V (là 03 người con của cụ Phan V3 và Nguyễn Thị C1) đều xác định vào năm 1975, cụ V3 họp gia đình, gồm cụ V3 và đông đủ 04 người con (Phan H2, Phan L, Phan Thị L1, bà Phan Thị V) thống nhất (nhưng không lập thành văn bản) cho ông H2 thửa 245, cho ông L thửa 692; còn cụ V3 ra ở riêng tại thửa 477; thửa đất này vào năm 2017 các bên đã yêu cầu chia thừa kế và đã được Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết xong. Còn nguyên đơn ông Phan V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị P, Phan Thị C và Phan Thị Kim T4 cho rằng không có việc họp gia đình phân chia đất và thửa đất 245 là do ông Phan H2 tạo lập chứ không phải do cụ V3 cho.

Xét thấy:

[1.1]. Ông Phan V và bà Đặng Thị P, Phan Thị C, Phan Thị Kim T4 cho rằng thửa đất 245 là do ông Phan H2 tạo lập chứ không phải do cụ V3 cho, nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh là do ông H2 tạo lập. Trong khi đó, tại Giấy xác nhận ngày 26/6/2017 (BL 96-98) ông Phan Hoài, sinh năm 1930 là người cùng thôn xác nhận: ‘‘ *Năm 1966, thời chế độ cũ, ông Phan V3 đứng đấu giá trúng thửa đất của làng, nay là thửa số 245, tờ bản đồ số 5, xã T1 ... Khoản năm 1975-1976, Nông hội xã quản lý toàn bộ đất của Nhà nước, đất vắng chủ. Đối với thửa đất số 245, tờ bản đồ số 5, xã T1 ông Phan V3 sử dụng (nay bà Đặng Thị P và các con bà đang sử dụng) được Nông hội xã T1 có chủ trương đổi đất ‘‘Ai muốn giữ lại đất cũ trước đây chính quyền cũ đấu giá để tiếp tục quản lý sử dụng thì phải lấy đất của mình đổi cho Nông hội xã quản lý’’. Lúc bấy giờ ông Phan V3 giao cho Nông hội thửa đất xứ đồng Gò Dế, xóm 1, thông Long Bàn, diện tích khoảng 800m^2 để Nông hội quản lý, còn ông Vỹ tiếp tục sử dụng thửa số 245, tờ bản đồ số 5, xã T1. Thửa đất xứ đồng Gò Dế, xóm 1, thông Long Bàn, Nông hội xã giao cho ông*

(Phan Hoài) quản lý sử dụng, đến năm 1979 ông đưa vào HTX T1 quản lý và đã giao cho xã vên canh tác''. Như vậy có đủ căn cứ xác định thửa đất 245 là do cụ V3 tạo lập.

[1.2]. Về quá trình kê khai, đăng ký các thửa đất 245, thửa 692 và thửa 477:

Theo Công V số 1726/CNTPQN ngày 20/8/2020, Công V số 524/CNTPQN ngày 17/3/2021 và Công V số 874/CNTPQN ngày 11/5/2021 của Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Quảng ngãi, Chi nhánh thành phố Q xác định: thửa đất số 692 là do ông Phan L kê khai theo chỉ thị 299/TTg (theo Bản đồ năm 1983); kê khai theo Nghị định 64/CP (theo bản đồ 1996, đổi thành thửa 384); đến năm 1997, ông Phan L được UBND huyện Sơn Tịnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 384. Năm 2017, ông Phan L tách thửa 384 thành 02 thửa (477, 478).

Theo Công V số 248/CNTPQN ngày 12/4/2017 của Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Quảng ngãi, Chi nhánh thành phố Q xác định: thửa đất số 245 là do ông Phan H2 kê khai theo chỉ thị 299/TTg (theo Bản đồ năm 1983); kê khai theo Nghị định 64/CP (theo bản đồ 1997).

Theo Công V số 270/CNTPQN ngày 21/4/2017 của Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Quảng ngãi, Chi nhánh thành phố Q xác định: thửa đất số 477 là do ông Phan V3 kê khai theo chỉ thị 299/TTg (theo Bản đồ năm 1983 có số thửa là 784); kê khai theo Nghị định 64/CP (theo bản đồ 1997, số thửa là 477).

Từ viện dẫn và phân tích trên, có căn cứ xác định định vào năm 1975, cụ V3 đã họp gia đình gồm cụ V3 và đông đủ 04 người con (Phan H2, Phan L, Phan Thị L1, bà Phan Thị V) thống nhất chia cho ông H2 thửa 245, ông L thửa 692; còn cụ V3 thửa 477. Khi thực hiên việc kê khai theo chỉ thị 299/TTg, cụ V3, ông H2, ông L đã kê khai phần diện tích đất được chia và không ai có ý kiến gì. Mặt khác vào năm 1978, lúc đó cụ V3, ông Phan H2 còn sống thì ông L tiến hành xây dựng nhà cửa, tường rào để quản lý, sử dụng đến nay cũng không ai khiếu nại gì; là phù hợp với lời trình bày của các ông, bà Phan L, Phan Thị L1, Phan Thị V. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Phan V, bà Đặng Thị P, Phan Thị C và Phan Thị Kim T4; đồng thời có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan L, bà Phan Thị L1, bà Phan Thị V; sửa án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, nên ông Phan V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Phan V phải chịu 12.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản; ông V đã nộp đủ.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm;

- Ông Phan V, bà Phan Thị C, Phan Thị Kim T4 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Đặng Thị P.

- Ông Phan L, bà Phan Thị L1, bà Phan Thị V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ Luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan V, bà Phan Thị C, Phan Thị Kim T4; Chấp nhận kháng cáo của ông Phan L, bà Phan Thị L1, bà Phan Thị V; Sửa án sơ thẩm.

Căn cứ các điều 26, 34, 37, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 176 Bộ luật Dân sự năm 1995; các Điều 116, 117, 119, 160, 161 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 2, 3, 73 Luật Đất đai năm 1993; Điều 167 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Phan V, về việc yêu cầu chia thừa kế đối với các thửa đất số 447, 448, tờ bản đồ số 20, tại xã T1, thành phố Q và yêu cầu việc hủy GCNQSDĐ số CG895291, số vào sổ cấp GCN CS 03782 đối với thửa 477 và GCNQSDĐ số CG895292, số vào sổ cấp GCN CS 03781 đối với thửa 478, cùng tờ bản đồ số 20, đo vẽ năm 2016, xã T1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp cho ông Phan L ngày 06/6/2017.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ trong số tiền 825.000 đồng tiền tạm ứng án đã nộp tại các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005389 ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi (do bà Phan Thị Kim T4 nộp thay). Hoàn trả cho ông Phan V số tiền còn thừa là 525.000 đồng.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Phan V phải chịu 12.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản; ông V đã nộp đủ.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm;

- Ông Phan V, bà Phan Thị C, Phan Thị Kim T4 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; đã nộp tại các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004980, 0004981, 0004979 ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi; Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Đặng Thị P.

- Ông Phan L, bà Phan Thị L1, bà Phan Thị V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào